

Bản án số: **45/2024/HNGĐ-PT.**

Ngày 20/12/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Nguyễn Trung Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20/12/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2024/TLPT-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 05/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2024/QĐ-PT ngày 18/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐPT ngày 02/12/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1992 (Có mặt)

Nơi cư trú: Nhà A, tổ dân phố số F, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Giang S, sinh năm 1987 (Cơ đơn xin vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà F, đường N, tổ dân phố số C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S: Anh Nguyễn Tiến T1: sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà C, ngõ A đường H, phường N, Quận C, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Giang S kết hôn ngày 29/12/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do anh S có quan hệ tình cảm với người khác. Anh S thường xuyên gây sự, đánh đập chị, chị đã báo cho Công an phường T, thành phố B can thiệp, tuy nhiên chị không đi giám định thương tích nên Công an phường T không lập biên bản. Vào tháng 02/2023, chị phát hiện anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chung sống với người này tại chung cư R ở thành phố B nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Đỗ Tùng L, sinh ngày 28/02/2018. Thời gian trước đây khi chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. Tuy nhiên, đến ngày 26/9/2023, vì những mâu thuẫn về tài sản của vợ chồng chưa thể giải quyết, anh S khi đến đón con trong tình trạng con ốm, bị đau mắt đỏ nhưng không đưa con về cho chị chăm sóc, mà tự đưa cháu L đi khỏi nhà, chị và gia đình chị không thể liên hệ được với anh S. Đến ngày 27/9/2023, anh S có nói với mẹ đẻ chị là đã đưa con ra Hà Nội học và không đưa về Bắc Giang nữa. Bản thân chị và gia đình chị nhiều lần tác động tích cực đến gia đình anh S để được gặp con và hỏi thăm tình hình sức khỏe nhưng anh S luôn đưa ra các lý do để cấm cản việc chị gặp con. Qua hỏi thăm tin tức từ người thân thì chị được biết anh S và mẹ anh S đưa con chị đến khu N, quận B, thành phố Hà Nội là nhà di ruột anh S ở nhờ. Đến ngày 21/10/2023 chị liên lạc được với chồng của dì anh S và được biết cháu L và mẹ anh S đã ở cùng gia đình chú dì anh S được khoảng 03 tuần. Chị và bố mẹ chị đến gặp đề nghị được thăm cháu và đón cháu về thì anh S lập tức lên Hà Nội đón cháu L và mẹ anh S đi nơi khác. Hiện nay con chị đang ở đâu chị không biết. Thực tế anh S không phải là người trực tiếp chăm sóc cháu L mà do mẹ anh S trực tiếp chăm sóc cháu. Anh S và gia đình anh S có những hành động cấm cản, đưa con chị rời khỏi nơi cư trú mà không cho chị gặp mặt mặc dù chị và gia đình chị đã nhiều lần liên hệ. Hiện nay, chị có chỗ ở ổn định và đang điều hành nhà trẻ do mẹ chị thành lập và làm quản lý cho công ty M, tổng thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng, chị khẳng định đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con. Anh S đang phụ trách công việc tại cửa khẩu tỉnh L, do tính chất công việc anh S thường xuyên phải đi công tác và làm việc với khách hàng tại nhiều tỉnh thành khác như Hải Phòng, Hà Nội, Bắc Ninh. Vì các lý do trên, chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Đỗ Giang S, tuy nhiên anh S không nộp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc T.

* Ngày 03 tháng 5 năm 2024, anh Đỗ Giang S nộp cho Tòa án đơn đề nghị có nội dung: Anh là bị đơn trong vụ án, ngày 23/4/2024, anh có nhận được Thông báo số 30/TB-TA đề ngày 22/4/2024 về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02/5/2024 của Tòa án gửi đến. anh xin hoãn phiên hoà giải và công khai tài liệu, chứng cứ tại Tòa án với những lý do sau: Anh vẫn còn tình cảm lớn với chị T nên mong muốn hoà giải để đoàn tụ; anh chưa làm bản tự khai để gửi đến Tòa án và thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án, ngày 02/5/2024 anh có chuyên công tác dài ngày nên không thể có mặt tại Tòa án để tham gia buổi làm việc.

* *Toà án tiến hành làm việc với ông Đỗ Quang C (bố đẻ anh Đỗ Giang S), ông C cung cấp:* Chị Trương Thị Ngọc T và anh Đỗ Giang S đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Quá trình chung sống chị T, anh S có mâu thuẫn, vợ chồng đôi khi khắc khẩu, cãi vã nhau. Từ tháng 8 năm 2023 âm lịch đến nay, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chị T và anh S ly thân nhau từ đó. Chị T và anh S có 01 con chung là Đỗ Tùng L, sinh ngày 28/02/2018, hiện cháu L ở cùng anh S và đang học tại thành phố Hà Nội. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh S, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* *Toà án tiến hành làm việc với ông Nguyễn Nhật N (tổ trưởng tổ dân phố số C, phường T, thành phố B), ông N cung cấp:* Chị Trương Thị Ngọc T và anh Đỗ Giang S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Quá trình chị T, anh S chung sống có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Khoảng tháng 8 năm 2023, chị T có mời Công an phường T và Hội phụ nữ đến hoà giải về việc anh S đưa con chung ra Hà Nội học để cấm cản việc chị T thăm nom con chung. Kể từ đó cho đến nay, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh S. Chị T và anh S có 01 con chung là Đỗ Tùng L, sinh năm 2018. Hiện con chung đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Vào khoảng tháng 01 năm 2024, chị T có đề nghị đại diện tổ dân phố đến gia đình anh S để hoà giải về việc chị T muốn được gặp con chung nhưng anh S và gia đình S không đồng ý, đại diện địa phương cũng động viên hai bên nhưng không thành. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh S, ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

* Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và

khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc T được ly hôn anh Đỗ Giang S

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Tùng L, sinh ngày 28/02/2018 đến khi cháu Đỗ Tùng L đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Đỗ Giang S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 28/8/2024 bị đơn là anh Đỗ Giang S có đơn kháng cáo đề nghị xem xét các nội dung sau: Cho rằng thẩm phán Nguyễn Thị H đã 03 lần thụ lý và 2 lần ra Quyết định đình chỉ vụ án mà vẫn tiếp tục giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự; không tạo điều kiện để các bên hòa giải; việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án có vi phạm, không giao cho anh mà giao cho bố anh nhận thay anh S; anh S đã thông báo địa chỉ mới nhưng không gửi về địa chỉ cho anh mà gửi về nhà cho bố anh; không niêm yết văn bản tố tụng tại nơi anh cư trú; việc gửi văn bản tố tụng cho anh ít ngày anh không có thời gian để chuẩn bị. Vi phạm đường lối giải quyết vụ án, cháu L đang ở với anh nhưng lại giao cho chị nuôi dưỡng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại do có vi phạm quy định tại Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn xin vắng mặt nhưng không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S trình bày: Anh S không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Về con chung anh S không đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng. Do Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vi phạm nhiều thủ tục tố tụng và có nhiều khuất tất trong quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo đơn kháng cáo của anh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của

người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của anh S. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của anh S HĐXX thấy:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh S không đồng ý ly hôn với chị T vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm anh S không hợp tác cũng như không có thái độ làm việc thể hiện có nguyện vọng đoàn tụ cũng chị T. Mặt khác chị T cũng như bố đẻ anh S xác định vợ chồng chồng chị có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay, anh chị không còn chung sống và không còn ai quan tâm đến ai. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị T được ly hôn với anh S là có căn cứ.

1.2. Về con chung: Con chung của anh chị là cháu Đỗ Tùng L, sinh ngày 28/02/2018. Anh S không đồng ý giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Cháu Đỗ Tùng L từ khi sinh ra đều do chị T chăm sóc con chung. Kể từ cuối tháng 9 năm 2023, anh S đón cháu L và đưa cháu ra Hà Nội sinh sống, học tập, không bàn bạc với chị T, không cho chị T được gặp con, cấm cản chị T được thực hiện quyền của người mẹ với con. Chị T có nhờ chính quyền địa phương tác động hoà giải với gia đình anh S và anh S nhưng không thành. Chính quyền địa phương xác nhận có việc chị T mời Công an phường T và Hội phụ nữ đến hoà giải về việc anh S đưa con chung ra Hà Nội học để cấm cản chị T thăm nom con chung. Tháng 01 năm 2024 chị T có đề nghị đại diện tổ dân phố đến gia đình anh S để hoà giải về việc chị T muốn được gặp con chung nhưng anh S và gia đình S không đồng ý, đại diện địa phương cũng động viên hai bên nhưng không thành. Do vậy, có căn cứ về việc anh S đã ngăn cản chị T thăm gặp, chăm sóc con chung, vi phạm quyền chăm sóc con chưa thành niên theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung là cháu L cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ.

Việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S cho rằng cháu L còn thiếu 02 tháng tuổi nữa là đủ 7 tuổi đề nghị hỏi ý kiến cháu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con chung từ đủ 7 tuổi trở lên mới phải xem xét nguyện vọng của người con là mong muốn sống với cha hay sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do vậy cháu L đến nay chưa đủ 7 tuổi nên đề

ngợi của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

1.3. Ngoài ra anh S còn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Cho rằng thẩm phán Nguyễn Thị H đã 03 lần thụ lý và 2 lần ra Quyết định đình chỉ vụ án mà vẫn tiếp tục giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự; không tạo điều kiện để các bên hòa giải; việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án có vi phạm, không giao cho anh mà giao cho bố anh nhận thay anh S; anh S đã thông báo địa chỉ mới nhưng không gửi về địa chỉ cho anh mà gửi về nhà cho bố anh; không niêm yết văn bản tố tụng tại nơi anh cư trú; việc gửi văn bản tố tụng cho anh ít ngày anh không có thời gian để chuẩn bị. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm phán H chưa xem xét giải quyết gì đến nội dung vụ án mà do nguyên đơn là chị T rút đơn khởi kiện. Vì lý do khách quan liên quan đến sự phân công công việc của thẩm phán, Tòa án cấp sơ thẩm đã chuyển vụ án cho thẩm phán khác giải quyết nên việc xét xử không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh S, đảm bảo đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải lần đầu vào ngày 5/3/2024 nhưng anh S vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án có thông báo hoãn phiên họp và thông báo mở phiên họp lần 2 vào ngày 02/5/2024. Anh S có nhận được văn bản và có đơn đề nghị hoãn phiên họp. Tại phiên họp ngày 02/5/2024 chị T xác định không còn tình cảm gì với anh S và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Do vậy Tòa án đã mở phiên họp đúng trình tự, và đúng quy định tại Khoản 7 Điều 48; khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án mở phiên tòa, Tòa án luôn tạo điều kiện để anh S có cơ hội tham gia nhưng anh S liên tục có đơn khiếu nại. Tòa án sơ thẩm đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo đúng thời hạn. Đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc sai tên đệm của anh S là do Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong quá trình ban hành văn bản, tuy nhiên, việc này không ảnh hưởng gì đến nội dung và bản chất của vụ án, không ảnh hưởng gì đến quyền lợi ích hợp pháp của anh S cũng như không vi phạm thủ tục tố tụng. Do vậy việc anh trình bày sai tên đệm của anh là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm anh có cung cấp địa chỉ khác, tuy nhiên Tòa án có đến làm việc theo địa chỉ do chị T cung cấp chính quyền địa phương có xác nhận anh S không chuyển khẩu và vẫn đăng ký nơi cư trú tại địa chỉ trên do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bố đẻ của anh là ông C và ông đã giao đầy đủ cho anh, anh S cũng đã được biết và xác định các văn bản tố tụng anh đã được biết do bố anh thông báo. Do vậy việc Tòa án sơ thẩm giao các văn bản tố tụng đã đảm bảo quy định không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh S.

Do vậy, kháng cáo của anh S đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[2]. Từ những nội dung trên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Giang S, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang như đã nhận định ở trên.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do kháng cáo của anh Đỗ Giang S không được chấp nhận nên anh S phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Giang S. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Giang S phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền anh S đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0001990 ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND TP Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo Nguyễn Trung Thông

Hoàng Thị Hải Hương